

Bản án số: 21/2018/DS-PT
Ngày 17/01/2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về góp hụi và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn

Ông Phạm Đình Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 260/2017/QĐ-PT ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q, thuộc Văn phòng Luật sư Thụy Q, Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn:

1. Anh Trần Sâm A, sinh năm 1975 (vắng mặt).

2. Chị Trần Thị H (thường gọi Bé H), sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã N, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị H: Luật sư Trương Công C1, thuộc Văn phòng Luật sư Phạm Văn C2, Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Mai Thị T và bị đơn chị Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày: Chị và vợ chồng anh Sấm A, chị H là chỗ quen biết nên chị có cho vợ chồng anh Sấm A vay tiền nhiều lần và anh Sấm A, chị H có tham gia chơi nhiều dây hụi do chị làm chủ hụi. Trong quá trình chơi hụi và vay tiền thì anh Sấm A và chị H còn nợ chị các khoản như sau:

Về nợ hụi:

Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 12/01/2014, mãn ngày 22/10/2014, gồm 26 phần, một tháng khui 03 lần, vợ chồng chị H tham gia 04 phần. Ngày 22/02/2014, chị H kêu 220.000 đồng, hốt 02 phần với số tiền 92.320.000 đồng. Ngày 02/3/2014 chị H kêu 230.000 đồng, hốt 02 phần với số tiền 92.340.000 đồng. Tổng cộng dây hụi này chị đã giao cho chị H số tiền của 04 phần hụi là 184.660.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 16/9/2014, mãn ngày 26/7/2015, có 37 phần, một tháng khui 03 lần, vợ chồng chị H tham gia 06 phần. Ngày 26/9/2014, chị H kêu 180.000 đồng, hốt 01 phần với số tiền 30.020.000 đồng. Ngày 26/10/2014, chị H kêu 210.000 đồng, hốt 01 phần với số tiền 29.570.000 đồng. Ngày 16/11/2014, chị H kêu 220.000 đồng, hốt 01 phần với số tiền 29.680.000 đồng. Ngày 26/11/2014, chị H kêu 220.000 đồng, hốt 02 phần với số tiền 59.800.000 đồng. Ngày 06/12/2014, chị H kêu 220.000 đồng, hốt 01 phần với số tiền 30.120.000 đồng. Tổng cộng dây hụi này chị T đã giao cho chị H số tiền của 06 phần hụi là 179.120.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi chị T đã giao cho chị H là 363.780.000 đồng. Ngày 16/6/2015 vợ chồng chị H đã trả được 204.780.000 đồng còn lại 159.000.000 đồng. Trong năm 2016 vợ chồng chị H trả thêm 21.770.000 đồng, nay còn lại 137.230.000 đồng.

Về nợ vay: Ngày 08/3/2015 âm lịch chị cho vợ chồng anh Sấm A, chị H vay số tiền là 330.000.000 đồng; việc vay tiền có làm biên nhận.

Nay chị yêu cầu vợ chồng anh Sấm A, chị H trả số tiền hui là 137.230.000 đồng và tiền vay là 330.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 467.230.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất nhà nước quy định. Tiền vay chị T yêu cầu tính lãi từ ngày 08/3/2015 âm lịch (tức là ngày 26/4/2015 dương lịch) là 27 tháng bằng 234.072.000 đồng (trong đó lãi trong hạn là 5.610.000 đồng, lãi trả chậm 1.257.000 đồng, lãi nợ gốc quá hạn 227.205.000 đồng). Đối với tiền hui chị yêu cầu tính lãi từ ngày 16/6/2015 âm lịch (tức là ngày 31/7/2015) đến ngày xét xử là 23 tháng với số tiền 26.197.000 đồng.

* Bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị thừa nhận vợ chồng chị có tham gia chơi các dây hui như chị T trình bày là đúng. Ngày 16/6/2015 hai bên kết sổ hui thì chị còn nợ chị T 159.000.000 đồng, tuy nhiên trong số tiền này đã tính tiền lời (tức là đã tính hui chết chứ không phải là số tiền chị T giao cho chị); số nợ này chị đã thanh toán hết cho chị T vào cuối năm 2015.

Đối với tiền vay, vào ngày 08/3/2015 âm lịch vợ chồng chị có hỏi vay của chị T 330.000.000 đồng và chị có viết biên nhận cho chị T, tuy nhiên chị T yêu cầu chị phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ xe cho chị T thì mới đưa tiền cho chị, nhưng thời điểm này các giấy tờ này chị đã thế chấp ở ngân hàng rồi nên không có để đưa cho chị T nữa, do đó chị T đã không đưa số tiền 330.000.000 đồng cho chị. Nay chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2017 bị đơn anh Trần Sấm A trình bày: Anh biết việc chị H (vợ anh) tham gia chơi hui của bà T nhưng không biết chơi bao nhiêu chân hui và bao nhiêu tiền. Vợ chồng anh thống nhất chơi hui nhưng đã thanh toán xong nợ hui vào cuối năm 2015, anh không biết rõ quá trình chị H thanh toán tiền hui cho chị T như thế nào. Vợ chồng anh không có vay tiền của chị T. Do đó, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T.

* Tại bản án sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Mai Thị T đối với anh Trần Sấm A và chị Trần Thị H. Buộc anh Trần Sấm A, chị Trần Thị H cùng có nghĩa vụ trả cho chị Mai Thị T số tiền 534.055.000 đồng, trong đó: tiền hui 137.230.000 đồng; tiền vay 330.000.000 đồng; tiền lãi nợ vay 66.825.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị T đối với số tiền lãi nợ hui là 26.197.000 đồng và số tiền lãi đối với nợ vay 167.247.000 đồng.

* Ngày 09/8/2017 nguyên đơn bà Mai Thị T có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị, buộc vợ chồng chị Bé H

và anh Sấm A trả cho chị số tiền gồm: nợ vay và tiền hui là 467.230.000 đồng và tiền lãi là 260.269.000 đồng.

* Ngày 11/8/2017 bị đơn chị Trần Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đối với số tiền vay 330.000.000 đồng chị chưa nhận của chị T và số tiền hui 159.000.000 đồng chị đã thanh toán xong cho chị T vào cuối năm 2015.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến cho rằng: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi trên số tiền hui mà chị T đã giao cho chị H là chưa đúng quy định, do đó yêu cầu Hội đồng phúc thẩm tính lãi suất đối với số tiền hui. Đối với lãi suất của khoản tiền vay 330.000.000 đồng, mặc dù trong biên nhận giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ tuy nhiên hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn trả nợ là 1 tháng, do đó căn cứ vào Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 giải đáp một số vấn đề về hình sự, tố tụng hình sự, dân sự, tố tụng dân sự thì yêu cầu tính lãi suất trong hạn và quá hạn đối với khoản tiền vay của chị T là có cơ sở. Bị đơn chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng phúc thẩm đình chỉ xét kháng cáo của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ kháng cáo của chị Trần Thị H và chấp nhận một phần kháng cáo của chị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lãi suất không kỳ hạn của số tiền nợ hui.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị H, anh Trần Sấm A và Luật sư Trương Công C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

Đối với bị đơn chị Trần Thị H có kháng cáo nhưng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị H.

[2] Xét kháng cáo của chị T yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền hui mà chị T đã giao cho chị H, thấy rằng tại tờ biên nhận (bl 05) thể hiện giữa hai bên chị T và chị H đã kết nợ hui vào ngày 16/6/2015 và chị H còn nợ tiền hui chị T là 137.230.000 đồng; theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường thì *“trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho các thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả. Mức lãi do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả các phần họ”*. Do đó, kháng cáo của chị T yêu cầu chị H trả tiền lãi trên số tiền nợ hui là có cơ sở; tiền lãi được tính từ ngày 16/6/2015 (âm lịch) tức ngày 31/7/2015 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2017) là 23 tháng 26 ngày, nhưng trong đơn kháng cáo của chị T chỉ yêu cầu thời gian tính lãi là 23 tháng, nên Hội đồng phúc thẩm thống nhất yêu cầu của chị T tính lãi trong thời gian 23 tháng. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

$137.230.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng} = 23.672.175 \text{ đồng}$ (làm tròn bằng 23.672.000 đồng).

Do vậy, buộc chị H và anh Sấm A có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ hui là 137.230.000 đồng và tiền lãi là 23.672.000 đồng.

[3] Đối với phần tiền lãi của số tiền vay 330.000.000 đồng, cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để xác định mức lãi suất theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định 0,9%/năm (tức 0,75%/tháng) và tiền lãi được tính bằng 66.825.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật. Chị T kháng cáo yêu cầu tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 là không có cơ sở. Bởi lẽ, giao dịch vay tiền giữa hai bên được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực và theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự thì giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức khác với quy định của Bộ luật dân sự 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của chị T cũng như ý kiến của Luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần kháng cáo của chị T và một phần ý kiến của Luật sư Q, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ hui của chị T.

[4] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên cần sửa lại phần án phí cho phù hợp quy định của pháp luật.

- Án phí sơ thẩm:

Chị T phải chịu án phí đối với yêu cầu số tiền lãi của nợ hui và nợ vay không được chấp nhận là:

$$(167.247.000\text{đồng} + 2.525.000\text{đồng}) \times 5\% = 8.488.600 \text{ đồng.}$$

Chị H và anh Sấm A phải cùng chịu án phí đối với số tiền bị buộc trả 557.727.000 đồng (137.230.000đồng + 23.672.000đồng + 330.000.000đồng + 66.825.000đồng). Án phí được tính bằng:

$$20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times 157.727.000\text{đồng} = 26.309.080 \text{ đồng (làm tròn bằng 26.309.000 đồng).}$$

- Án phí phúc thẩm:

Chị T kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả tạm ứng án phí phúc thẩm theo lai thu đã nộp.

Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng do chị H nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Mai Thị T;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị H.

Sửa bản án sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Mai Thị T đối với anh Trần Sấm A và chị Trần Thị H. Buộc anh Trần Sấm A, chị Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Mai Thị T số tiền 557.727.000 đồng (Năm trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng), trong đó: Tiền hui 137.230.000 đồng; tiền lãi của nợ hui 23.672.000 đồng; tiền vay 330.000.000 đồng; tiền lãi của nợ vay 66.825.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Sấm A, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Chị Mai Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.488.600 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.344.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004188 ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị T được nhận lại số tiền 2.855.400 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng nêu trên.

Anh Trần Sấm Anh và chị Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới chịu án phí sơ thẩm là 26.309.000 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm:

Hoàn trả cho chị Mai Thị T 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004297 ngày 17/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị Trần Thị H nộp theo biên lai thu số 0004300 ngày 21/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện V;
- THA dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhiên